

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 113-TTg ngày 16-2-1996 về việc cho phép Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội thuộc Bộ Tài chính được chuyển địa điểm.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Công văn số 2920-TC/TVQT ngày 26-10-1995) và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 24-BKH/ĐT ngày 3-1-1996),*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Điều 1.- Cho phép Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội thuộc Bộ Tài chính được chuyển địa điểm từ thị trấn Phúc Yên, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phú về xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.*

*Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.*

*Điều 3.- Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phú, Thủ trưởng các Bộ, các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.*

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
*Phó Thủ tướng*  
**NGUYỄN KHÁNH**

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 114-TTg ngày 16-2-1996 về việc mở rộng thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Quyết định số 204-TTg ngày 28-4-1993 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Điều 1.- Cho phép Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam được mở rộng thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ kinh doanh trong nước, nếu các bên đương sự thỏa thuận đưa ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam giải quyết.*

*Điều 2.- Bổ sung Điều lệ Tổ chức của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 204-TTg ngày 28-4-1993 về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp theo Điều 1 của Quyết định này.*

*Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.*

*Điều 4.- Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.*

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
*Phó Thủ tướng*  
**PHAN VĂN KHAI**

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 115-TTg ngày 17-2-1996 về việc phê duyệt Dự án khả thi trồng rừng ở tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Hà Bắc (do Chính phủ Cộng hòa liên bang Đức viện trợ không hoàn lại).**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*



Căn cứ Nghị định số 177-CP ngày 20-10-1994 của Chính phủ ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng;

Xét Tờ trình số 2253-KH ngày 8-8-1995 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1005-BKH/NPTĐ ngày 30-12-1995,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt Dự án khả thi trồng rừng ở tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Hà Bắc do Chính phủ Cộng hòa liên bang Đức viện trợ không hoàn lại với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên Dự án: Trồng rừng ở tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Hà Bắc.

2. Cơ quan và nước viện trợ: Ngân hàng tái thiết Đức - Cộng hòa liên bang Đức.

3. Cơ quan nhân viện trợ và chủ quản Dự án: Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

4. Cơ quan thực hiện Dự án: Ủy ban Nhân dân các tỉnh Lạng Sơn và Hà Bắc.

5. Thời gian thực hiện: 1995 - 1999.

6. Địa bàn thực hiện Dự án: 20 xã thuộc 6 huyện với tổng diện tích tự nhiên 70.936 héc-ta và tổng số dân 432.265 người của 2 tỉnh Lạng Sơn và Hà Bắc đã được Bộ Lâm nghiệp (cũ), phía Cộng hòa liên bang Đức và Ủy ban Nhân dân 2 tỉnh thỏa thuận.

7. Mục đích của Dự án nhằm góp phần vào chương trình trồng rừng và bảo vệ đất tại tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Hà Bắc thông qua việc giúp nông dân sử dụng đất có hiệu quả và bảo đảm bền vững về sinh thái; đồng thời tạo việc làm và nâng cao mức sống cho nhân dân vùng Dự án, với mục tiêu cụ thể như sau:

- Trồng mới (bao gồm cả chăm sóc và quản lý, bảo vệ) 12.600 héc-ta rừng.

- Hỗ trợ 84 bản ở tỉnh Lạng Sơn và 61 bản ở tỉnh Hà Bắc lập kế hoạch sử dụng đất trong 3 năm đầu.

8. Những nội dung đầu tư chủ yếu:

a) Các dịch vụ:

- Hoạt động khuyến lâm.

- Cung cấp vật tư cho trồng rừng và trồng cây ăn quả.

- Giúp đỡ nông dân sử dụng đất có hiệu quả.

b) Hỗ trợ vốn trực tiếp cho hộ nông dân thông qua tài khoản sổ tiết kiệm do Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam quản lý để chi về trồng rừng.

c) Quản lý và phối hợp có hiệu quả các hoạt động của Dự án.

9. Nguồn vốn: 10 triệu DM viện trợ không hoàn lại của Cộng hòa liên bang Đức (theo Hiệp định tài chính và Hiệp định riêng đã ký).

Điều 2.- Về tổ chức thực hiện: Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan nòng cốt viện trợ và chủ quản Dự án, phối hợp với 2 tỉnh Lạng Sơn và Hà Bắc tiếp tục chỉ đạo việc điều tra cơ bản và quy hoạch sử dụng đất của 6 xã còn lại (trong số 20 xã của Dự án) và kế hoạch sử dụng đất cấp thôn, bản của Dự án; trên cơ sở đó xác định cụ thể khối lượng diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng phòng hộ kết hợp sản xuất hoặc sản xuất kết hợp phòng hộ; tổ chức bộ máy quản lý có hiệu quả, tiết kiệm, điều hành có hiệu lực phù hợp với mục tiêu và nội dung của Dự án.

Điều 3.- Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan chi tiết hóa phần Hiệp định tài chính của Dự án viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Cộng hòa liên bang Đức; rà soát lại cơ cấu vốn đối ứng trong nước nhằm bảo đảm thực hiện đúng và có hiệu quả những mục tiêu của Dự án đã đề ra với nội dung hỗ trợ trồng rừng là chính, nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chính sách thu hồi bằng sản phẩm một phần vốn đã đầu tư cho các hộ gia đình để trồng rừng sản xuất.

Điều 4.- Trên cơ sở những nội dung đầu tư chủ yếu đã nêu tại Điều 1 của Quyết định này và Hiệp định tài chính đã được ký kết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo triển khai Dự án cho từng địa bàn liên xã, xã và từng hạng mục theo cơ chế hiện hành phù hợp với tiến độ và khả năng huy động vốn.

Điều 5.- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Bắc và Thủ trưởng các cơ quan có

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684  
LAWSONIT



liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
*Phó Thủ tướng*  
**PHAN VĂN KHẢI**

## CÁC BỘ

### BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 9-TC/CSTC ngày 2-2-1996 hướng dẫn chi tiết việc sử dụng tiền thu về xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.**

Tại Thông tư liên Bộ Tài chính - Nội vụ số 77-TTLB/TC/NV ngày 30-10-1995 hướng dẫn bổ sung việc thu và sử dụng tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị có quy định: Toàn bộ tiền thu về xử phạt đối với các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị do các lực lượng Trung ương và địa phương xử phạt đều phải được tập trung vào Ngân sách Nhà nước thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước để bổ sung kinh phí cho công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và đô thị, trong đó: 30% tập trung vào Ngân sách Trung ương và 70% được điều tiết cho Ngân sách địa phương.

Để thực hiện việc cấp phát kinh phí kịp thời cho các đơn vị tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông đường bộ và đô thị, Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết tỷ lệ phân bổ toàn bộ tiền thu về xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị cho các đơn vị như sau:

**1. Đối với khoản tiền thu (30%) tập trung vào Ngân sách Trung ương (coi như 100%) được phân chia như sau:**

- 20% chi bổ sung kinh phí cho công tác tuyên truyền, in ấn tài liệu, sơ kết công tác... của Ban Chỉ đạo an toàn giao thông Trung ương;
- 40% chi bổ sung kinh phí hoạt động cho Bộ Nội vụ;
- 20% chi bổ sung kinh phí hoạt động cho Bộ Giao thông Vận tải;
- 20% chi bổ sung kinh phí hoạt động cho Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước).

**2. Đối với khoản thu (70%) điều tiết cho Ngân sách địa phương (coi như 100%) được phân chia như sau:**

- 10% tổng số điều tiết để chi bổ sung cho công tác phổ biến, tuyên truyền để tăng cường công tác trật tự an toàn giao thông tại địa phương. Bao gồm cả chi cho công tác sơ kết, tổng kết hoạt động trên địa bàn.

- Dành tối đa không quá 40% tổng số điều tiết để chi bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông trên địa bàn. Trong đó:

- + 20% tổng số điều tiết để chi cho lực lượng công an tham gia trên địa bàn.

- + 5% tổng số điều tiết để chi cho lực lượng giao thông tham gia trên địa bàn.

- + 5% tổng số điều tiết để chi cho các lực lượng của địa phương ở quận, huyện, xã, phường tham gia trực tiếp vào công tác giữ gìn trật tự an toàn giao thông.

- + 10% tổng số điều tiết để chi cho Kho bạc Nhà nước thực hiện việc thu tiền phạt (bao gồm cả kinh phí chi trả cho người được ủy quyền thu phạt do Kho bạc Nhà nước giao cho).

- Số tiền còn lại (tối thiểu là 50% tổng số tiền điều tiết) dành để chi cho việc tăng cường cơ sở vật chất, các chi phí cần thiết cho việc đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, thành phố.

**3. Trình tự cấp phát kinh phí, nội dung chi cụ thể và việc quyết toán sử dụng tiền thu phạt được áp dụng theo quy định tại Thông tư liên Bộ Tài chính - Nội vụ số 77-TTLB/TC/NV ngày 30-10-1995.**